

Số: /BC-UBND

Càng Long, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Nhị Long Phú năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-BCĐ ngày 24/3/2020 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 30/11/2011 của Huyện ủy Càng Long Về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 22/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long Về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 10/01/2020 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Càng Long về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Long Phú về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt nông thôn mới nâng cao năm 2020,

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Nhị Long Phú, UBND huyện Càng Long báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Nhị Long Phú năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra từ ngày 07/12/2020 đến ngày 09/12/2020.

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Nhị Long Phú về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Nhị Long Phú đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;
- Báo cáo kết quả thực hiện 20 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao năm 2020 của xã Nhị Long Phú (kèm theo bảng chi tiết);
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã Nhị Long Phú và kết quả thực hiện 20 tiêu chí nông thôn mới năm 2020;
- Biên bản cuộc họp, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020 của xã Nhị Long Phú.
- Báo cáo tình hình nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.
- Hình ảnh minh họa kèm theo.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có biên bản).

1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt (*thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1. Xã có thực hiện lưu trữ các hồ sơ liên qua đến thực hiện quy hoạch gồm: Quyết định số 7867/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long đến năm 2020 (theo mô hình nông thôn mới của Chính phủ), qua đó Ủy ban nhân dân xã có tiến hành lưu trữ đối với hồ sơ quy hoạch nêu trên.

1.2. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức công bố quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch trên địa bàn toàn xã (có biên bản kèm theo).

Thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Đến năm 2018, xã Nhị Long Phú được phê duyệt từ Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 30/12/2018 của UBND huyện Càng Long về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long đến năm 2030 (có kèm theo thuyết minh).

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Quy hoạch theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Có 100% đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{mặt} \geq 3,5$ m, $B_{nền} \geq 5$ m) trở lên.

2.2. Có 70% đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$ m, $B_{nền} \geq 4$ m) trở lên.

2.3. Có 100% đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và 70% đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{mặt} \geq 1,5$ m, $B_{nền} \geq 2$ m) trở lên.

2.4. Có 70% đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$ m, $B_{nền} \geq 4$ m) trở lên.

2.5. Có 50% đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình triển khai và nội dung thực hiện:

Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí, trong 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 Ủy ban nhân dân xã đã tăng cường huy động nguồn lực bằng nhiều hình thức để xây dựng các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn xã, cụ thể:

Đối với đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến huyện: đã khởi công xây dựng 03 tuyến đường liên xã với tổng chiều dài 6,31 km gồm: tuyến Hương lộ 04 giai đoạn 2, tổng vốn đầu tư 9,8 tỷ đồng (NS tỉnh); tuyến Bờ bao Hiệp Phú – Thạnh Hiệp; tuyến đường Quốc lộ 60 đến Long Sơn, Đức Mỹ, tổng vốn đầu tư 3,2 tỷ đồng (NS huyện). Trong đó: tuyến Quốc lộ 60 đến Long Sơn, Đức Mỹ đã hoàn thành, còn lại tuyến Hương lộ 04 giai đoạn 2 và tuyến Bờ bao Hiệp Phú – Thạnh Hiệp đang thi công.

Xây dựng hoàn thành 04 cầu giao thông nông thôn với tổng trị giá 376 triệu đồng, hầu hết từ các nguồn vốn vận động các tổ chức, mạnh thường quân và nhân dân đóng góp.

Xây dựng 494 trụ đèn đường trên các tuyến đường giao thông chính với tổng vốn đầu tư 283,5 triệu đồng, vốn dân góp. Đến nay toàn xã có 14,1/ 14,7 km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn đường chiếu sáng, đạt 95,52% (chỉ tiêu 95,52 %).

- Khối lượng thực hiện:

2.1. Đối với đường trục xã, liên xã: có 4,8/ 4,8 km đường trục xã được nhựa hóa đạt cấp kỹ thuật, đạt 100 %.

2.2. Đối với đường trục ấp, liên ấp: Xã có 04 tuyến đường với 7,9/ 9,9 km đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện trong năm, đạt 79,8% (chỉ tiêu 70%).

2.3. Đối với đường ngõ xóm: Toàn xã có 15 tuyến đường với 14,8/ 17,5 km đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa, đạt 84,57 % (chỉ tiêu 70%).

2.4. Đường trục chính nội đồng: Toàn xã có 4,1/ 5,5 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa và đạt cấp kỹ thuật, đạt 74,54 %.

2.5. Toàn xã có 14,1/ 14,7 km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn đường chiếu sáng, đạt 95,52% (chỉ tiêu 50%).

2.6. Các tuyến đường luôn được các đơn vị, cơ quan quản lý thường xuyên duy tu, sửa chữa không để hư hỏng dẫn đến mất an toàn giao thông.

Kinh phí đã thực hiện: 13 tỷ 659,5 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 9,8 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện: 3,2 tỷ đồng.
- Vốn dân góp: 659,5 triệu đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Giao thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

a) Yêu cầu của tiêu chí

3.1. Có 90% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1. Hệ thống thủy lợi của toàn xã gồm có: 16,06 km kênh các cấp 2,3 (trong đó có 5,6 km kênh cấp 2); có 01 công lớn thuộc hệ thống kênh Chũ Thập, 07 công vuông và 20 bông tròn thuộc hệ thống kênh Chũ Thập và kênh cấp 3 phân bố trên toàn xã. Với hệ thống thủy lợi như hiện nay đã đảm bảo đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho 1.014/1.014 ha đất sản xuất nông nghiệp, đạt 100 %

3.2. Hàng năm bộ máy Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN của xã được kiện toàn theo các quyết định như:

- Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND xã Nhị Long Phú với 26 thành viên;

- Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND xã Nhị Long Phú về việc thành lập Đội xung kích phòng, chống thiên tai và TKCN với 10 thành viên;

- Quyết định số 39 /QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND xã Nhị Long Phú về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội xung kích phòng, chống thiên tai và TKCN;

- Quyết định số 40 /QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND xã Nhị Long Phú về việc thành lập Tổ xung kích phòng, chống thiên tai và TKCN của các ấp;

Năm 2019, Ủy ban nhân dân xã có kết hợp với các ngành cấp trên có liên qua tập huấn kiến thức cho 110 cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai, TKCN của xã, áp được 02 cuộc (có danh sách đính kèm).

Kinh phí: tổng kinh phí 0,964 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 0,864 tỷ đồng.

- Dân đóng góp: 0,1 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thủy lợi theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Có 99% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.1. Từ khi thực hiện Chương trình, đã triển khai thực hiện Dự án cung cấp điện cho các hộ chưa có điện chủ yếu là đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (*Dự án 20.000 hộ*) và Dự án cải tạo đường dây dẫn điện nối đuôi không an toàn trên địa bàn huyện Càng Long, đã cấp điện cho trên 400 hộ, kéo mới 20,5 km đường dây trung thế, hạ thế và 02 trạm biến áp. Nâng tổng số toàn xã có 39,6 km đường dây trung thế, hạ thế và 18 trạm biến áp.

4.2. Đến nay trên địa bàn xã có 1.761/1.770 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn, chiếm tỷ lệ 99,49%.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Điện theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có 70% trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đầu tư xây dựng mới 10 phòng học cho trường THCS Nhị Long Phú với tổng kinh phí xây dựng 5 tỷ đồng, vốn do Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ.

- Trên địa bàn xã có 3/3 trường học có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia. Trong đó có 2/3 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia là Trường THCS Nhị Long Phú và trường tiểu học Đỗ Văn Nại, (*Tăng 01 trường được công nhận so với năm 2014*).

Kinh phí: tổng kinh phí 5 tỷ đồng.

- Vốn vận động: 5 tỷ đồng.

d c) **Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về trường học theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi

6.3. Có 100% ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (cây xanh hoặc hàng rào kiên cố; có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1. Xã có 01 Nhà văn hóa với 04 phòng chức năng và 01 hội trường đa năng với 250 chỗ ngồi. Có 01 khu thể thao với các hạng mục gồm: nhà quản lý, nhà để xe, 01 sân bóng đá mi ni; 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông với tổng diện tích khu thể thao trên 7.000 m²;

6.2. Xã có khu vui chơi, giải trí, thể thao trẻ em và người cao tuổi tại khu thể thao xã.

6.3. Xã có 7/7 ấp có xây dựng Nhà văn hóa ấp cơ bản với quy mô đảm bảo mỗi nhà văn hóa có 01 hội trường đáp ứng 50 chỗ ngồi trở lên.

6.4. Các nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên. Trong 6 tháng đầu năm 2020, đầu tư xây dựng mới 02 nhà văn hóa ấp Hiệp Phú và Dừa Đỏ 3; nâng cấp 02 nhà văn hóa ấp Thanh Hiệp và Sơn Trắng. Tổng vốn đầu tư của 04 công trình là 1,6 tỷ đồng, do ngân sách huyện đầu tư.

Kinh phí: tổng kinh phí 1,6 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện: **1,6** tỷ đồng.

c) **Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.7. Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

7.1. Xã có đầu tư xây dựng chợ Đình Đồi với quy mô trên 5.000 m², gồm 01 nhà lồng kiên cố rộng 339 m² cùng đầy đủ các hạng mục phụ trợ khác. Đến nay, hệ thống hạ tầng thương mại của xã đã đảm bảo nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của người dân trong xã và vùng lân cận.

7.2. Xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát. Khu vực chợ xã có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.8. Tiêu chí 8 về Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có trạm truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1 Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa xã tại ấp Hiệp Phú đáp ứng 02 dịch vụ Bưu chính và viễn thông.

8.2. Có đường truyền internet đến 7/7 ấp, đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin liên lạc trong xã.

8.3 Trong năm 2019, xã được Sở Thông tin và truyền thông hỗ trợ 01 trạm truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp, kinh phí thực hiện 158,656 triệu đồng.

8.4. Trong công tác quản lý và điều hành xã có ứng dụng công nghệ thông tin; Các bộ phận chuyên môn của xã đều có bố trí máy vi tính, thực hiện nhận và gửi văn bản điều hành qua mạng internet. Hiện xã có 33 máy vi tính/38 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, đạt 86,84 %.

Tổng kinh phí: 158,656 triệu đồng do ngân sách tỉnh đầu tư.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

9.2. Có ít nhất 80% hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

9.1. Để thực hiện việc xóa nhà tạm, Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với MTTQ VN xã và các ngành, các cấp huyện, tỉnh vận động mạnh thường quân xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa: 11 căn nhà tình nghĩa, 11 căn nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, với số tiền là 1,1 tỷ đồng;

Hiện xã không còn nhà tạm bợ dột nát, hộ không có đất ở.

9.2. Toàn xã có 1.512/ 1.770 căn nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, chiếm 85,42% so với tổng số nhà trên địa bàn xã. *(Tăng 131 căn so với năm 2014)*

Kinh phí thực hiện: 0,96 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 315 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 95 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 150 triệu đồng.

- Vốn vận động: 400 triệu đồng.

) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về nhà ở dân cư theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả điều tra, thu nhập bình quân năm 2020 trên địa bàn xã Nhị Long Phú là 61,7 triệu đồng/ người/ năm *(Tăng 35,873 triệu đồng so với năm 2014, đạt 1,2 lần so với thu nhập của xã nông thôn mới (50 triệu đồng))*.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thu nhập theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) $\leq 2\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện tại trên địa bàn xã còn 12 hộ nghèo (trong đó có 02 hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội), chiếm 0,57 % (Giảm 63 hộ so với năm 2014).

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Hộ nghèo theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên cơ sở phát triển mới các cơ sở tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ đã góp phần giải quyết được việc làm cho lao động tại chỗ. Song song đó UBND xã xác nhận hồ sơ Xin việc làm cho 158 người đi lao động trong và ngoài tỉnh (xuất khẩu lao động 08 trường hợp). Toàn xã có 3.770 người trong độ tuổi có khả năng lao động, Trong đó có 3.745/ 3.770 lao động có việc làm, đạt 99,3 %.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Lao động có việc làm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Xã có 01 HTX nông nghiệp với 27 thành viên, HTX hoạt động đúng quy định của Luật HTX năm 2012 (tổng vốn điều lệ 108 triệu đồng). Hiện HTX

đang kinh doanh các mặt hàng trái cây và cung ứng vật tư nông nghiệp. Hợp tác xã có ký kết hợp đồng cung cấp đầu vào và tiêu thụ sản phẩm với từng thành viên của hợp tác xã, đồng thời có ký kết hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp cho hợp tác xã cây ăn trái Nhị Long.

13.2. Toàn xã có 20 tổ hợp tác sản xuất. Trong đó có 01 Tổ hợp tác trồng trọt Cửu Long Giang trồng cam sành theo tiêu chuẩn VietGap, có hợp đồng cung ứng vật tư đầu vào và nguồn cây giống đảm bảo.

13.3. Xã có xây dựng Kế hoạch số 03 /KH-UBND ngày 05/3/2020 Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn xã Nhị Long Phú năm 2020.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Trên địa bàn toàn xã có hệ thống trang thiết bị động lực, máy móc cơ giới đảm bảo phục vụ 85 % trong các khâu sản xuất nông nghiệp, gồm: 01 máy kéo công suất 15 – 30 cv; 01 máy gặt đập liên hợp; 47 máy phun thuốc; 83 máy bơm tát.

Xã có tổ hợp tác Cửu Long Giang áp dụng quy trình sản xuất theo hướng VietGap.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*) $\geq 90\%$.

14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật $\leq 2\%$.

14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 65\%$

14.5. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Xã được công nhận đạt chuẩn Phổ cập THCS theo quyết định số 3675/QĐ-UBND, ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc công nhận xã Nhị Long Phú đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở, phổ cập Tiểu học và phổ cập xóa mù chữ thời điểm tháng 10 năm 2020; đạt

chuẩn phổ cập mầm non trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND huyện Càng Long.

14.2. Toàn xã có 104/104 em học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm học 2020-2021 là, đạt 100 %.

14.3. Trong năm 2019-2020 có 3/371 trường hợp HS bỏ học giữa chừng, chiếm tỷ lệ 0,8%; không có học sinh hạnh kiểm kém, vi phạm về đạo đức.

14.4. Toàn xã có 2.682/3.745 lao động có việc làm qua đào tạo, chiếm 71,61 % (*Tăng 1.717 người so với năm 2014*).

14.5. Xã có 3.442/3.442 lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt 100 %.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Số người tham gia bảo hiểm y tế trên dân số theo niên giám thống kê.

15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 15\%$

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1. Xã có 5.999/6.658 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 90,10 %, theo báo cáo của Bảo hiểm Xã hội huyện Càng Long (*Tăng 202 người so với năm 2014*).

15.2. Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2007. Năm 2018 xã được tái công nhận là xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo quyết định số: 2712/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế năm 2018.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi có 72/569 trẻ, chiếm tỷ lệ 12,66% .

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân luôn được bảo đảm; Công tác kiểm soát các bệnh truyền

niễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; Xã không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người. Tổ chức công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng được 221 cuộc, có 3.913 lượt người dự và cấp trên 2.000 tờ rơi các loại; Khám chăm sóc sức khỏe ban đầu cho 3.843 lượt người.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Y tế theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp Văn hóa và ấp Nông thôn mới $\geq 85\%$.

16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện

16.3. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1. Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn xã có 7/7 ấp được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, đạt 100%.

16.2. Hàng năm Ủy ban nhân dân xã phối hợp cùng các ngành, các cấp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thu hút đông đảo người dân trong và ngoài xã tham gia như:

- Các câu lạc bộ đàn ca tài tử các ấp tổ chức giao lưu văn nghệ trung bình mỗi năm trên 145 tiết mục, thu hút trên 1.845 lượt người tham dự.

- Hưởng ứng ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân hàng năm có khoảng 800 vận động viên tham gia chạy với cự ly 1.000 m.

- Tổ chức giao lưu bóng đá với các xã bạn được 27 cuộc, có 490 vận động viên tham gia.

- Trong năm vận động các mạnh thường quân trong và ngoài xã hỗ trợ 837 phần quà; 03 căn nhà tình thương cho hộ nghèo, hộ khó khăn... Tổng trị giá 1 tỷ 057 triệu đồng.

Toàn xã có 6/6 cơ quan được công nhận đạt chuẩn văn hóa, có 3/3 trường học đạt chuẩn văn hóa, 2/2 cơ sở thờ tự tín ngưỡng văn minh.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Văn hóa theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.

17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:

- Nước hợp vệ sinh $\geq 99\%$

- Nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung $\geq 75\%$

17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (*đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng*); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là $\geq 70\%$; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác).

17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$

17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 80\%$

17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

17.1. Xã có 01 nhà máy nước với công suất thiết kế 2.700 m³, đảm bảo phục vụ 100% nhu cầu nước sạch cho người dân toàn xã và các vùng lân cận.

17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch.

+ Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 1.760/1.770 hộ, chiếm 99,43% (*Tăng 184 hộ so với năm 2014*)

+ Số hộ sử dụng nước sạch: 1.676/1.770 hộ chiếm 94,69 % (*Tăng 448 hộ so với năm 2014*).

17.3. Toàn xã có 17/17 cơ sở sản xuất kinh doanh có lập và thực hiện đúng đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường, đạt 100%.

17.4. Toàn xã có 04 tuyến đường được công nhận xanh – sạch – đẹp với tổng chiều dài 6,5 km. Các tuyến đường liên xã, liên ấp, trục chính của ấp đều

được trồng cây xanh phân tán và hoa kiểng, trong năm 2019 và đầu năm 2020 Ủy ban nhân dân xã hỗ trợ cho các ấp và các cơ quan, đơn vị, trường học trồng mới 6.500 cây hoa kiểng các loại như: Hoàng yến, Phượng vĩ, Điệp... Toàn xã có 7/7 ấp có lắp đặt hệ thống đèn đường ở các tuyến giao thông chính.

17.5. Nghĩa trang nhân dân: Xã có quy hoạch nghĩa trang liên xã Nhị long Phú – Nhị Long

17.6. Chất thải rắn: Xã không có quy hoạch bãi rác tập trung, chất thải rắn được thu gom và vận chuyển đến bãi rác tập trung của huyện một phần, phần còn lại cũng được thu gom xử lý tại chỗ, đảm bảo không gây tồn đọng thành những điểm ô nhiễm, cụ thể:

- Đối với chất thải sinh hoạt: Toàn xã có 4/7 ấp có chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tập kết về bãi rác tập trung của huyện; có 02 ấp với 100 mô hình phân loại rác thải sinh hoạt hữu cơ tại nhà. Đối với hộ dân vùng sâu được hướng dẫn xử lý rác tại gia đình bằng hình thức thu gom đốt hoặc chôn.

- Đối với chất thải nông nghiệp: xã có bố trí 19 bể chứa rác thải bảo vệ thực vật tại 4 ấp, tập trung bố trí tại các khu vực sản xuất lúa, màu, vùng trồng lác và cây ăn trái... thường xuyên vận động nông dân sau khi pha chế, phun, rải phân, thuốc bảo vệ thực vật phải thu gom bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào bể chứa đúng theo quy định.

- Đối với chất thải tại Trạm y tế và các điểm dịch vụ y tế tư nhân đều được phân loại và tổ chức thu gom riêng đúng theo quy định.

- Nước thải: Khu dân cư tập trung của xã có hệ thống thoát nước đảm bảo nhu cầu tiêu, thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắt nghẽn, tù đọng, ngập úng nước thải.

17.7. Toàn xã có 1.579/1.770 hộ xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, chiếm 89,21%.

17.8. Có 858/918 hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt 93,46 %. Trong đó có 255 hộ có xây dựng công trình biogas, còn lại hầu hết chất thải trong chăn nuôi được hộ dân thu gom tập trung vào các **bò** chứa, ao chứa đảm bảo không chảy tràn gây ô nhiễm.

17.9. Xã có 196/196 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện cam kết vệ sinh ATTP sản xuất, kinh doanh, đạt 100%.

17.10. Có 6/6 cơ quan, tổ chức, 3/3 trường học đạt chuẩn văn hóa, 2/2 cơ sở tín ngưỡng đóng trên địa bàn xã đạt chuẩn văn mi. Xã thường xuyên ra quân dọn, dẹp vệ sinh cơ quan, trồng cây xanh đảm bảo xanh – sạch - đẹp.

17.11. Xã không có quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung của xã. Xã có hợp đồng với công ty Sơn Trung Thành thu gom rác thải sinh hoạt về bãi rác tập trung của huyện; rác thải, nước thải y tế được cơ quan chuyên môn xử lý theo quy định.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1. Xã có 38/38 cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ – CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 04/2004/QĐ – BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ – CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương, không bị xử lý kỷ luật.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định bao gồm: Tổ chức Đảng; Chính quyền; Tổ chức chính trị xã hội: Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được thành lập theo quy định.

18.3. Năm 202, Đảng bộ, chính quyền xã được kiểm tra đánh giá đạt “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”.

18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã năm 2020 đều đạt mức cao nhất.

18.5. Ngày 22/01/2020, UBND huyện Càng Long ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

18.6. Đảng bộ xã có 02 nữ giữ chức vụ chủ chốt của xã như: 01 là Chủ tịch UBND và 01 là Phó Chủ tịch HĐND xã.

Xã không có trường hợp bạo lực gia đình, không còn tư tưởng trọng nam khinh nữ; 100% phụ nữ nghèo phụ nữ khuyết tật có nhu cầu đều được vay vốn từ các chương trình của NHCSXH; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1. Ban chỉ huy Quân sự xã tham mưu kịp thời cho Đảng ủy – UBND xã xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Quốc phòng Quân sự địa phương; đồng thời hàng năm bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo quy định.

Đăng ký quản lý và đưa đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh đúng đối tượng, đạt chỉ tiêu trên giao. Bên cạnh đó, Ban chỉ huy Quân sự xã phối hợp với Công an xã tổ chức tuần tra theo Nghị định số 03 và 133 của Chính phủ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hàng năm tổ chức đăng ký quản lý công dân trong độ tuổi Dân quân, phát triển mới và xây dựng lực lượng Dân quân bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ. Đến nay, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ xã đạt 1,67 % so với tổng số dân trên địa bàn xã, Đảng viên đạt 19,81 % so với quân số; Đoàn viên đạt 80,18 % so với quân số. Chi bộ Quân sự hàng năm duy trì đều có Chi ủy.

Hàng năm đưa cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã và Dân quân Cơ động, Dân quân Tự vệ, Dân quân Bình chủng, Dân quân năm thứ nhất về trên tập huấn, huấn luyện đạt 100 % chỉ tiêu được giao. Tham gia hội thi Tổ Dân quân bắn mục tiêu bay thấp bằng súng BB đảm bảo an toàn người, vũ khí thiết bị và an toàn giao thông. Đồng thời trong huấn luyện, Ban chỉ huy Quân sự xã kết hợp với các ban ngành, đoàn thể xã, ấp làm công tác dân vận và thực hiện các phần việc theo chỉ thị 15 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường và xây

dựng nông thôn mới có 31 cuộc với quân số tham gia trên 1.240 đồng chí, qua đó được nhân dân đồng tình ủng hộ và được cấp trên đánh giá cao.

Tổ chức đăng ký thanh niên trong độ tuổi 17 cấp xã, huyện đạt 100 % công dân trong độ tuổi. Đồng thời đăng ký, quản lý biên chế lực lượng Dự bị động viên đúng quy định, chất lượng. Đảng viên trong lực lượng DBĐV đạt 16,76 % so với quân số. Thực hiện tốt công tác chính sách 290; 142; 62; 49 của Thủ tướng Chính phủ.

Bảo đảm nơi ăn, nghỉ cho 03 Dân quân thường trực và chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân Tự vệ đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân Tự vệ.

19.2. Xã không có trường hợp khiếu kiện đông người, kéo dài; không có tội phạm và tệ nạn xã hội như ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút.

Xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND huyện Càng Long.

19.3. Xã có 7/7 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đạt 100%.

19.4. Xã có 55 tổ tự quản; 07 câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự và 01 mô hình liên kết các câu lạc bộ.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân theo quy trình ISO 9001/2015. Nhận và trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống iOffice.

20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về quy chế văn hóa cơ sở, những nội dung phải công khai cho dân biết, Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực

tiếp, những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết đều được thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Cụ thể như các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, nạo vét kênh, các chính sách hỗ trợ của các cấp, bình xét nghĩa vụ quân sự, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hương ước, quy ước,... đưa ra dân bàn, dân biết, dân kiểm tra, giám sát, biểu quyết.

20.3. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành tốt Quy chế văn hóa công sở tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định Số 03/2007/QĐ-BNVHà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2007 về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương như: trang phục gọn gàng, giao tiếp và ứng xử lịch sự, hòa nhã, đặc biệt khi tiếp xúc với nhân dân,... thể hiện đúng chuẩn mực của người cán bộ, công chức.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Ủy ban nhân xã thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, có hồ sơ chứng minh cho mức độ đạt của từng tiêu chí.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã là 20 đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

- Ủy ban nhân dân xã Nhị Long Phú không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Qua kết quả thẩm tra của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thì xã Nhị Long Phú đã hội đủ các điều kiện của một xã nông thôn mới nâng cao theo quy định. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sớm tổ chức phúc tra lại để xem xét công nhận xã Nhị Long Phú huyện Càng Long đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Trà Vinh;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện; -
Phòng NN - PTNT huyện; -
LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Lụa